

Bản án số: 351/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 9 – 2022
V/v ly hôn T – L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 220/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Hữu T, sinh năm 1981 nơi cư trú: Tổ 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 nơi cư trú: Tổ 06, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 30/5/2022 và lời khai của nguyên đơn ông Dương Hữu T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống chung không hòa hợp nên vợ chồng ly thân từ

tháng 01/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông xin ly hôn bà L.

Ông và bà L có 01 con chung Dương Thị Lan A, sinh năm 2011 bà L đang nuôi dưỡng, ông đồng ý giao bà L được nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi hòa giải, xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho ông Dương Hữu T được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Giao con chung Dương Thị Lan A, sinh năm 2011 cho bà L nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân xã P cấp ngày 21/12/2011 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Ông T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp

nên đến tháng 01 năm 2018 ly thân đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, ông T xin ly hôn bà L.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết cho biết: Ông T và bà L có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện C, An Giang. Về mâu thuẫn gia đình ông T, bà L địa phương không biết.

Ông T và bà L là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Ông T và bà L sống với nhau từ năm 2011 đến năm 2018 thì ly thân nhau đến nay. Ông T và bà L không còn yêu thương nhau, cả hai ly thân dài nhưng không có thiện chí hàn gắn với nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ông T ly hôn với bà L.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông T và bà L có 01 con chung Dương Thị Lan A, sinh năm 2011 bà L đang nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2018 đến nay bà L là người trực tiếp nuôi con, để ổn định cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Lan A cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hữu T.

Ông Dương Hữu T được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 21/12/2011 do Ủy ban nhân dân xã Phú Long cấp cho ông T và bà L không còn giá trị pháp lý.

Ông T và bà L có 01 con chung Dương Thị Lan A, sinh năm 2011 đang sống với bà L. Giao cháu Dương Thị Lan A cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện ông T đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Ông T và bà L không có tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005179 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Long, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn

